UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4525 /QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; danh sách xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, phường, đặc khu khu vực I, II, III tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 35/TTr-SDTTG ngày 25/11/2025, Báo cáo số 255/BC-SDTTG ngày 25/11/2025 và ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh tại văn bản ghi ý kiến số 3895/VPUBND-VHXH ngày 27/11/2025 của Văn phòng UBND.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và danh sách xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã, phường, đặc khu khu vực I, II, III tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030, như sau:

1. Danh sách 477 thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(Chi tiết Phụ lục I kèm theo).*

2. Danh sách 21 xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, phường, đặc khu khu vực I (*Chi tiết Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh Bùi Văn Khẳng;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

(báo cáo

- V0,1,2,3,4; các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT,VX2.

QĐ39

Ký bởi: Lê Văn Việt
Ngày ký: 28-11-2025 12:19:17 +07:00

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh

Phụ lục I

DANH SÁCH THÔN, BẢN, KHU PHỐ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
	Tổng cộng	**477**	**430**	**373**
I	**Xã Quảng La**	**19**	**19**	**19**
1		Thôn Khe Cát	1	1
2		Thôn Đồng Mùng	1	1
3		Thôn Bằng Anh	1	1
4		Thôn Khe Đồng	1	1
5		Thôn Khe Mực	1	1
6		Thôn Hang Trăn	1	1
7		Thôn Tân Lập	1	1
8		Thôn Đất Đỏ	1	1
9		Thôn 1	1	1
10		Thôn 2	1	1
11		Thôn 3	1	1
12		Thôn 4	1	1
13		Thôn 5	1	1
14		Thôn 6	1	1
15		Thôn Bằng Cả 1	1	1
16		Thôn Bằng Cả 2	1	1
17		Thôn Bằng Cả 3	1	1
18		Thôn Dân Chủ 1	1	1
19		Thôn Dân Chủ 2	1	1
II	**Xã Thống Nhất**	**16**	**16**	**8**
1		Thôn Đồng Cao	1	0
2		Thôn Đá Trắng	1	0
3		Thôn Đồng Vải	1	1
4		Thôn Lưỡng Kỳ	1	1
5		Thôn Đồng Cháy	1	1
6		Thôn Đồng Chùa	1	1
7		Thôn Bãi Cát	1	0
8		Thôn Lán Dè	1	0
9		Thôn Chợ	1	0

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
10		Thôn Đồng Rùa	1	0
11		Thôn Đồng Mơ	1	0
12		Thôn Đồng Sang	1	0
13		Thôn Đồng Lá	1	1
14		Thôn Thác Cát	1	1
15		Thôn Đồng Quặng	1	1
16		Thôn Đồng Trà	1	1
III	**Xã Hải Hòa**	**9**	**9**	**7**
1		Thôn 1	1	0
2		Thôn 3	1	1
3		Thôn Hà Tranh	1	1
4		Thôn Cầu trắng	1	1
5		Thôn Khe	1	1
6		Thôn Ngoài	1	1
7		Thôn Đồng Cói	1	1
8		Thôn Sơn Hải	1	1
9		Thôn Hà Loan	1	0
IV	**Xã Tiên Yên**	**21**	**21**	**0**
1		Thôn Tam Thịnh	1	0
2		Thôn Lý Thường Kiệt	1	0
3		Thôn Long Tiên	1	0
4		Thôn Long Thành	1	0
5		Thôn Xóm Nương	1	0
6		Thôn Đồng Châu	1	0
7		Thôn Cống To	1	0
8		Thôn Thủy Cơ	1	0
9		Thôn Tềnh Pò	1	0
10		Thôn Nà Cà	1	0
11		Thôn Văn Mây	1	0
12		Thôn Khe Vè	1	0
13		Thôn Hồng Phong	1	0
14		Thôn Hợp Thành	1	0
15		Thôn Cao Lâm	1	0
16		Thôn Đồng Đình	1	0
17		Thôn Hua Cầu	1	0
18		Thôn Pạc Sủi	1	0
19		Thôn Phú Cường	1	0
20		Thôn Đồng Và	1	0
21		Thôn Khe Mươi	1	0

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
V	**Xã Điền Xá**	**15**	**15**	**12**
1		Thôn Khe Muối	1	0
2		Thôn Phú Hoà	1	0
3		Thôn Liên Hoà	1	1
4		Thôn Đồng Tâm	1	1
5		Thôn Khe Tiên	1	1
6		Thôn Pắc Phai	1	1
7		Thôn Tiên Hải	1	0
8		Thôn Chiến Thắng	1	1
9		Thôn Khe Vàng	1	1
10		Thôn Bắc Lù	1	1
11		Thôn Tân Lập	1	1
12		Thôn Hà Bắc	1	1
13		Thôn Hà Lâm	1	1
14		Thôn Thống Nhất	1	1
15		Thôn Đoàn Kết	1	1
VI	**Xã Đông Ngũ**	**20**	**20**	**8**
1		Thôn Đông Ngũ	1	0
2		Thôn Đông Nam	1	0
3		Thôn Đông Dương	1	0
4		Thôn Đông Thắng	1	0
5		Thôn Đồng Đạm	1	0
6		Thôn Bình Sơn	1	1
7		Thôn Quế Sơn	1	1
8		Thôn Đồng Mộc	1	0
9		Thôn Đông Hồng	1	0
10		Thôn Nà Bấc	1	0
11		Thôn Làng Đài	1	0
12		Thôn Hà Tràng Đông	1	0
13		Thôn Hội Phố	1	0
14		Thôn Phương Nam	1	0
15		Thôn Khe Lục	1	1
16		Thôn Khe Ngàn	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
17		Thôn Khe Quang	1	1
18		Thôn Phài Giác	1	1
19		Thôn Kéo Kai	1	1
20		Thôn Khe Lặc	1	1
VII	**Xã Hải Lạng**	**10**	**10**	**2**
1		Thôn Hà Dong Bắc	1	1
2		Thôn Hà Dong Nam	1	0
3		Thôn Thống Nhất	1	0
4		Thôn Bình Minh	1	0
5		Thôn Trường Tùng	1	0
6		Thôn Trường Tiến	1	1
7		Thôn Đồi Mây	1	0
8		Thôn Hà Thụ	1	0
9		Thôn Thôn Hạ	1	0
10		Thôn Bốn	1	0
VIII	**Xã Lương Minh**	**15**	**15**	**15**
1		Thôn Tân Ốc 1	1	1
2		Thôn Tân Ốc 2	1	1
3		Thôn Khe Càn	1	1
4		Thôn Phủ Liễn	1	1
5		Thôn Xóm Mới	1	1
6		Thôn Đồng Giảng A	1	1
7		Thôn Đồng Giảng B	1	1
8		Thôn Đồng Cầu	1	1
9		Thôn Bãi Liêu	1	1
10		Thôn Khe Nà	1	1
11		Thôn Khe Giấy	1	1
12		Thôn Đồng Doong	1	1
13		Thôn Khe Áng	1	1
14		Thôn Đồng Tán	1	1
15		Thôn Đồng Quánh	1	1
IX	**Xã Kỳ Thượng**	**20**	**20**	**20**
1		Thôn Đồng Tiến	1	1
2		Thôn Đồng Loóng	1	1
3		Thôn Pha Lán	1	1
4		Thôn Khe Nháng	1	1
5		Thôn Đồng Thầm	1	1
6		Thôn Làng Dạ	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
7		Thôn Làng Lốc	1	1
8		Thôn Khe Ốn	1	1
9		Thôn Khe Xa	1	1
10		Thôn Bắc Xa	1	1
11		Thôn Bắc Cáp	1	1
12		Thôn Khe Mầu	1	1
13		Thôn Bắc Tập	1	1
14		Thôn Hồng Tiến	1	1
15		Thôn Đồng Khoang	1	1
16		Thôn Xóm Đình	1	1
17		Thôn Đồng Dằm	1	1
18		Thôn Khe Tre	1	1
19		Thôn Khe Phương	1	1
20		Thôn Khe Lương	1	1
X	**Xã Ba Chẽ**	**38**	**38**	**36**
1		Thôn Khe Lọng Trong	1	1
2		Thôn Khe Lọng Ngoài	1	1
3		Thôn Bắc Văn	1	1
4		Thôn Thành Công	1	1
5		Thôn Khe Pụt	1	1
6		Thôn he Lò	1	1
7		Thôn Khe Nà	1	1
8		Thôn Lò Vôi	1	1
9		Thôn Sơn Hải	1	1
10		Thôn Khe Sâu	1	1
11		Thôn Cái Gian	1	1
12		Thôn Nam Hả Trong	1	1
13		Thôn Nam Hả Ngoài	1	1
14		Thôn Khe Hố	1	1
15		Thôn Khe Tâm	1	1
16		Thôn Làng Mới	1	1
17		Thôn Nước Đừng	1	1
18		Thôn Tầu Tiên	1	1
19		Thôn Nam Kim	1	1
20		Thôn Làng Han	1	1
21		Thôn Pắc Cáy	1	1
22		Thôn Lang Cang	1	1
23		Thôn Làng Mô	1	1
24		Thôn Tân Tiến	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
25		Thôn Khe Vang	1	1
26		Thôn Nà Bắp	1	1
27		Thôn Khe Mằn	1	1
28		Thôn Làng Cổng	1	1
29		Thôn Nà Làng	1	1
30		Thôn Khe Mười	1	1
31		Thôn 1	1	1
32		Thôn 2	1	0
33		Thôn 3	1	0
34		Thôn 3A	1	1
35		Thôn 4	1	1
36		Thôn 5	1	1
37		Thôn 6	1	1
38		Thôn 7	1	1
XI	**Xã Quảng Tân**	**27**	**26**	**21**
1		Thôn Hải An	1	1
2		Thôn Đông Thành	1	1
3		Thôn Thìn Thủ	1	1
4		Thôn An sơn	1	1
5		Thôn Làng Ngang	1	1
6		Thôn Nà Thổng	1	1
7		Thôn Nà Cáng	1	1
8		Thôn Nà Pá	1	1
9		Thôn Tán Trúc Tùng	1	1
10		Thôn Màu Sán Cáu	1	1
11		Thôn Tầm Làng	1	1
12		Thôn Tây	1	0
13		Thôn Đồng Tâm	1	0
14		Thôn Yên Sơn	1	0
15		Thôn Tân Đông	1	0
16		Thôn Tân Liên	1	0
17		Thôn Tân Sơn	1	0
18		Thôn Trung Sơn	1	1
19		Thôn Châu Hà	1	1
20		Thôn An Lợi	0	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
21		Thôn An Bình	1	1
22		Bản Thanh Lâm	1	1
23		Bản Tài Lý Sáy	1	1
24		Bản Siềng Lống	1	1
25		Bản Thanh Bình	1	1
26		Bản siệc Lống Mìn	1	1
27		Bản Lý Khoái	1	1
XII	**Xã Đầm Hà**	**15**	**15**	**0**
1		Thôn Làng Y	1	0
2		Thôn Nhâm Cao	1	0
3		Thôn Làng Ruộng	1	0
4		Thôn Tân Hà	1	0
5		Thôn Bình Nguyên	1	0
6		Thôn Tân Trung	1	0
7		Thôn Tân Tiến	1	0
8		Thôn Tân Thành	1	0
9		Thôn Tân Lương	1	0
10		Thôn Cái Gia	1	0
11		Thôn Bình Hải	1	0
12		Thôn Hà Lai	1	0
13		Thôn Lập Tân	1	0
14		Thôn Tân Mai	1	0
15		Thôn Tân Hợp	1	0
XIII	**Xã Đường Hoa**	**18**	**18**	**18**
1		Thôn Mảy Nháu	1	1
2		Thôn Pạc Sủi	1	1
3		Thôn Lý Quáng	1	1
4		Thôn Quảng Sơn 3	1	1
5		Thôn Mố Kiệc	1	1
6		Thôn Lồ Má Coọc	1	1
7		Thôn Quảng Mới	1	1
8		Thôn Sán Cáy Coọc	1	1
9		Thôn Quảng Sơn 4	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
10		Thôn Lý Van	1	1
11		Thôn Cấu Phùng	1	1
12		Thôn Tài Chi	1	1
13		Thôn Đường Hoa 1	1	1
14		Thôn Đường Hoa 8	1	1
15		Thôn Đường Hoa 5	1	1
16		Thôn Đường Hoa 7	1	1
17		Thôn Tiến Tới	1	1
18		Thôn Đường Hoa 3	1	1
XIV	**Xã Quảng Đức**	**17**	**15**	**17**
1		Thôn 3	1	1
2		Thôn Hải Sơn	0	1
3		Thôn Hải Đông	1	1
4		Thôn Hải An	0	1
5		Bản Quảng Hợp	1	1
6		Bản Lý Nà	1	1
7		Bản Chăn Mùi	1	1
8		Bản Tình Á	1	1
9		Bản Nà Lý	1	1
10		Bản Kháy Phầu	1	1
11		Bản Tài Phố	1	1
12		Bản Pạc Này	1	1
13		Bản Cấu Lìm	1	1
14		Bản Mả Thàu Phố	1	1
15		Bản Pò Hèn	1	1
16		Bản Vắn Tốc	1	1
17		Bản Mốc 13	1	1
XV	**Xã Hoành Mô**	**22**	**22**	**22**
1		Thôn Đồng Thanh	1	1
2		Thôn Đồng Mô	1	1
3		Thôn Cửa Khẩu	1	1
4		Thôn Nà Sa	1	1
5		Thôn Pắc Cương	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
6		Thôn Pắc Pộc	1	1
7		Thôn Đồng Cậm	1	1
8		Thôn Phặc Chè	1	1
9		Thôn Nặm Đảng	1	1
10		Thôn Nà Choòng	1	1
11		Thôn Nà Pò	1	1
12		Thôn Ngàn Cậm	1	1
13		Thôn Loòng Vài	1	1
14		Thôn Cao Sơn	1	1
15		Thôn Khu Chợ	1	1
16		Thôn Đồng Thắng	1	1
17		Thôn Khe Mọi	1	1
18		Thôn Khe Tiền	1	1
19		Thôn Cầm Hắc	1	1
20		Thôn Sông Moóc	1	1
21		Thôn Phai Lầu	1	1
22		Thôn Phặt Chỉ	1	1
XVI	**Xã Lục Hồn**	**29**	**29**	**29**
1		Thôn Cao Thắng	1	1
2		Thôn Bản Cáu	1	1
3		Thôn Bản Pạt	1	1
4		Thôn Lục Nà	1	1
5		Thôn Cốc Lồng	1	1
6		Thôn Khau Pưởng	1	1
7		Thôn Khe O	1	1
8		Thôn Nà Luông	1	1
9		Thôn Nặm Tút	1	1
10		Thôn Ngàn Chuồng	1	1
11		Thôn Ngàn Mèo Trên	1	1
12		Thôn Ngàn Mèo Dưới	1	1
13		Thôn Ngàn Pạt	1	1
14		Thôn Pắc Phe	1	1
15		Thôn Phá Lạn	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
16		Thôn Bản Chuồng	1	1
17		Thôn Nà Áng	1	1
18		Thôn Pắc Pò	1	1
19		Thôn Sam Quang	1	1
20		Thôn Phiêng Sáp	1	1
21		Thôn Chè Phạ	1	1
22		Thôn Ngàn Phe	1	1
23		Thôn Đồng Long	1	1
24		Thôn Nà Khau	1	1
25		Thôn Nà Tào	1	1
26		Thôn Ngàn Vàng Trên	1	1
27		Thôn Ngàn Vàng Dưới	1	1
28		Thôn Ngàn Vàng Giữa	1	1
29		Thôn Kéo Chản	1	1
XVII	**Xã Bình Liêu**	**35**	**35**	**35**
1		Thôn Nà Làng	1	1
2		Thôn Bình Công II	1	1
3		Thôn Nà Nhái	1	1
4		Thôn Nà Cắp	1	1
5		Thôn Co Nhan	1	1
6		Thôn Bình Quân	1	1
7		Thôn Lục Ngù	1	1
8		Thôn Khe Mó	1	1
9		Thôn Nà Luông	1	1
10		Thôn Bản Làng	1	1
11		Thôn Pặc Pùng	1	1
12		Thôn Cầu Sắt	1	1
13		Thôn Sú Cáu	1	1
14		Thôn Pò Đán	1	1
15		Thôn Pắc Liềng	1	1
16		Thôn Nà Mo	1	1
17		Thôn Khe Vằn	1	1
18		Thôn Ngàn Chi	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
19		Thôn Khe Lạc	1	1
20		Thôn Khe Và	1	1
21		Thôn Nà Ếch	1	1
22		Thôn Chang Nà	1	1
23		Thôn Nà Phạ	1	1
24		Thôn Bản Ngày	1	1
25		Thôn Thông Châu	1	1
26		Thôn Bình Quyền	1	1
27		Thôn Khe Lánh	1	1
28		Thôn Bình Công I	1	1
29		Thôn Bình An	1	1
30		Thôn Khe Bốc	1	1
31		Thôn Bình Đẳng	1	1
32		Thôn Nà Kẻ	1	1
33		Thôn Mạ Chạt	1	1
34		Thôn Tùng Cầu	1	1
35		Thôn Khủi Luông	1	1
XVIII	**Xã Hải Sơn**	**7**	**7**	**6**
1		Thôn Lục Phủ	1	1
2		Thôn Phình Hồ	1	0
3		Thôn Pẹc Nả	1	1
4		Thôn Thán Phún	1	1
5		Thôn Thán Phún xã	1	1
6		Thôn Lục Chắn	1	1
7		Thôn Pò Hèn	1	1
XIX	**Phường Hoành Bồ**	**14**	**14**	**14**
1		Khu phố Đồng Đạng	1	0
2		Khu phố Đồng Giang	1	0
3		Khu phố Mỏ Đông	1	0
4		Khu phố Vườn Cau	1	0
5		Khu phố Vườn Rậm	1	0
6		Khu phố Đồng Vang	1	0
7		Khu phố Đồng Bé	1	1
8		Khu phố Hà Lùng	1	0
9		Khu phố Trại Me	1	0

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
10		Khu phố Đồng Ho	1	0
11		Khu phố Đồng Giữa	1	0
12		Khu phố Đèo Đọc	1	1
13		Khu phố Cài	1	1
14		Khu phố Khe Lèn	1	1
XX	**Đặc khu Vân Đồn**	**58**	**24**	**57**
1		Thôn Nà sắn	0	1
2		Thôn Đông Lĩnh	0	1
3		Thôn Điền Xá	1	1
4		Thôn Đầm Tròn	1	1
5		Thôn Vòng Tre	1	1
6		Thôn Đồng Đá	1	1
7		Thôn Đồng Cống	1	1
8		Thôn Đài Van	1	1
9		Thôn Xuyên Hùng	1	1
10		Thôn Ký Vầy	0	1
11		Thôn Voòng Tre	1	1
12		Thôn Khe Ngái	1	1
13		Thôn Khe Mai	1	1
14		Thôn Bồ Lạy	1	0
15		Thôn Tràng Hương	1	1
16		Thôn Đông Sơn	0	1
17		Thôn Đông Thịnh	1	1
18		Thôn Đông Hợp	1	1
19		Thôn Đông Trung	0	1
20		Thôn Đông Hải	1	1
21		Thôn Đông Thành	1	1
22		Thôn Đông Tiến	0	1
23		Thôn Đông Hà	0	1
24		Thôn Đông Thắng	0	1
25		Thôn Cặp Tiên	0	1
26		Thôn 1	0	1
27		Thôn 2	0	1
28		Thôn 3	0	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
29		Thôn 4	1	1
30		Thôn 5	0	1
31		Thôn 6	0	1
32		Thôn 7	0	1
33		Thôn 8	1	1
34		Thôn 9	0	1
35		Thôn 10	0	1
36		Thôn 11	0	1
37		Thôn 12	0	1
38		Thôn Ninh Hải	0	1
39		Thôn Ngọc Nam	0	1
40		Thôn Bình Minh	1	1
41		Thôn Bình Hải	0	1
42		Thôn Thái Hoà	0	1
43		Thôn Yến Hải	0	1
44		Thôn Sơn Hào	0	1
45		Thôn Tân Lập	0	1
46		Thôn Cống Đông	0	1
47		Thôn Cống Tây	0	1
48		Thôn Quyết Thắng	0	1
49		Thôn Thi Đua	0	1
50		Thôn Đài Làng	1	1
51		Thôn Đài Mỏ	1	1
52		Thôn Cái Bầu	1	1
53		Thôn 10/10	1	1
54		Khu phố 1	0	1
55		Khu phố 2	0	1
56		Khu phố 3	0	1
57		Khu phố 4	0	1
58		Khu phố 6	1	1
XXI	**Xã Quảng Hà**	**10**	**10**	**3**
1		Thôn Quảng Phong 5	1	0
2		Thôn Quảng Phong 6	1	0
3		Thôn Quảng Phong 7	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
4		Thôn Quảng Phong 8	1	1
5		Thôn Quảng Phong 9	1	1
6		Thôn Quảng Minh 7	1	0
7		Thôn Quảng Minh 9	1	0
8		Thôn Quảng Chính 4	1	0
9		Thôn Quảng Long 1	1	0
10		Thôn Quảng Long 2	1	0
XXII	**Xã Hải Ninh**	**4**	**2**	**3**
1		Thôn Quảng Nghĩa 3	1	0
2		Thôn Quảng Nghĩa 5	1	1
3		Thôn Hải Tiến 7	0	1
4		Thôn Hải Tiến 8	0	1
XXIII	**Phường Vàng Danh**	**3**	**2**	**3**
1		Khu phố Vàng Danh 7	1	1
2		Khu phố Vàng Danh 9	0	1
3		Khu phố Miếu Thán - Đồng Bống	1	1
XXIV	**Phường Yên Tử**	**10**	**7**	**10**
1		Khu phố Tân Lập 2	0	1
2		Khu phố Cửa Ngăn	0	1
3		Khu phố Khe Sú 1	1	1
4		Khu phố Khe Sú 2	1	1
5		Khu phố Năm Mẫu 1	1	1
6		Khu phố Năm Mẫu 2	1	1
7		Khu phố Miếu Bòng	0	1
8		Khu phố Tập Đoàn	1	1
9		Khu phố Đồng Chanh	1	1
10		Khu phố Quan Điền - Khe Thần	1	1
XXV	**Phường Mông Dương**	**9**	**5**	**8**
1		Khu phố 4	0	1
2		Khu phố 9	0	1
3		Khu phố 10	1	1
4		Khu phố 13	0	1
5		Thôn Đồng Tiến	1	1
6		Thôn Đoàn Kết	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bản, khu phố	Thôn, bản, khu phố thuộc vùng	
			Dân tộc thiểu số	Miền núi
7		Thôn Tân Hải	1	0
8		Thôn Thác Bạc	1	1
9		Thôn Khe Sím	0	1
XXVI	**Phường Quang Hanh**	**1**	**1**	**0**
1		Khu phố 7A	1	0
XXVII	**Phường Hà Tu**	**1**	**1**	**0**
1		Khu phố Hà Phong 3	1	0
XXVIII	**Phường Cửa Ông**	**6**	**6**	**0**
1		Khu phố Cẩm Phú 2B	1	0
2		Khu phố Cẩm Phú 8A	1	0
3		Khu phố Cẩm Phú 8B	1	0
4		Khu phố Cẩm Thịnh 1	1	0
5		Khu phố Cẩm Thịnh 2	1	0
6		Khu phố Cẩm Thịnh 7B	1	0
XXIX	**Phường Bình Khê**	**8**	**8**	**0**
1		Khu phố Bắc Sơn	1	0
2		Khu phố Phú Ninh	1	0
3		Khu phố Bến Vuông	1	0
4		Khu phố Quán Vuông	1	0
5		Khu phố Trung Lương	1	0
6		Khu phố Năm Giai	1	0
7		Khu phố Trại Thụ	1	0
8		Khu phố Linh Tràng	1	0

Phụ lục II

DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU KHU VỰC I GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã, phường, đặc khu		Xã, phường, đặc khu thuộc khu vực I, II, III	Số thôn, bản, khu phố dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số	Số thôn đặc biệt khó khăn
I	**Tổng cộng**	**21**	**13**	**21**	**477**	**0**
	Thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi nằm ngoài xã khu vực I, II, III				**49**	**0**
1	Xã Hải Ninh				4	0
2	Xã Đầm Hà				15	0
3	Phường Vàng Danh				3	0
4	Phường Yên Tử				10	0
5	Phường Mông Dương				9	0
6	Phường Quang Hanh				1	0
7	Phường Hà Tu				1	0
8	Phường Cửa Ông				6	0
	Xã khu vực I	**21**	**13**	**21**	**428**	**0**
	Xã khu vực II	0	0	0	0	0
	Xã khu vực III	0	0	0	0	0
II	**Chi tiết**	**21**	**13**	**21**	**428**	**0**
1	Xã Quảng La	1	1	I	19	0
2	Xã Thống Nhất	1	0	I	16	0
3	Xã Hải Hòa	1	0	I	9	0
4	Xã Tiên Yên	1	0	I	21	0
5	Xã Quảng Hà	1	0	I	10	0
6	Xã Lương Minh	1	1	1	15	0
7	Xã Đông Ngũ	1	0	I	20	0
8	Xã Kỳ Thượng	1	1	I	20	0
9	Xã Hải Lạng	1	0	I	10	0

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã, phường, đặc khu		Xã, phường, đặc khu thuộc khu vực I, II, III	Số thôn, bản, khu phố dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số	Số thôn đặc biệt khó khăn
10	Xã Ba Chẽ	1	1	I	38	0
11	Xã Quảng Tân	1	1	I	27	0
12	Xã Đường Hoa	1	1	I	18	0
13	Xã Quảng Đức	1	1	I	17	0
14	Xã Điền Xá	1	1	I	15	0
15	Xã Hoành Mô	1	1	I	22	0
16	Xã Lục Hồn	1	1	I	29	0
17	Xã Bình Liêu	1	1	I	35	0
18	Xã Hải Sơn	1	1	I	7	0
19	Phường Hoành Bồ	1	0	I	14	0
20	Phường Bình Khê	1	0	I	8	0
21	Đặc khu Vân Đồn	1	1	I	58	0